

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 13/01/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0136	SV5899248	Phạm Tú	Uyên	15/07/1999		
2	TA0137	SV5899249	Trịnh Thị Thu	Uyên	08/11/2000		
3	TA0138	SV5899250	Đinh Doãn	Việt	02/01/1999		
4	TA0139	SV5899251	Trần Quốc	Việt	24/11/1999		
5	TA0140	SV5899252	Nguyễn Nhất	Vương	15/08/1999		
6	TA0141	SV5899253	Phạm Minh	Đức	13/11/1999		
7	TA0142	SV5899254	Vũ Văn	Nghĩa	06/07/1999		
8	TA0143	SV5899255	Phạm Thanh	Tùng	03/06/1999		
9	TA0144	SV5899256	Bùi Công	Thành	27/08/1999		
10	TA0145	SV5899257	Lưu Văn	Hưởng	04/10/1983		
11	TA0146	SV5899258	Lê Minh	Thắng	10/11/1990		
12	TA0147	SV5899259	Thiều Kim	Tùng	15/01/1997		
13	TA0148	SV5899260	Uông Mai	Duyên	25/04/1993		
14	TA0149	SV5899261	Đinh Bảo	Hà	14/06/1981		
15	TA0150	SV5899262	Nguyễn Thị	Như	30/10/1994		
16	TA0151	SV5899263	Bùi Tiến	Chiến	10/04/1981		
17	TA0152	SV5899264	Phạm Văn	Nam	25/12/1996		
18	TA0153	SV5899265	Nguyễn Kim	Quế	10/06/1996		
19	TA0154	SV5899266	Nguyễn Văn	Tân	25/03/1995		
20	TA0155	SV5899267	Nguyễn Việt	Tùng	27/11/1982		
21	TA0156	SV5899268	Nguyễn Việt	Phú	20/05/1984		
22	TA0157	SV5899269	Nguyễn Hồng	Nguyên	20/01/1982		
23	TA0158	SV5899270	Ngô Duy	Hương	02/03/1984		
24	TA0159	SV5899271	Nguyễn Hải	Quân	09/05/1998		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
25	TA0160	SV5899272	Nguyễn Quốc	Hùng	29/5/1993		
26	TA0161	SV5899273	Nguyễn Minh Hoàng	Việt	14/12/1992		
27	TA0220	SV5939281	Nguyễn Tùng	Anh	18/02/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)